

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HHK VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HHK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HHK VIET NAM ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108101356

**3. Ngày thành lập:** 19/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5, Khu D, tập thể K612, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312     |
| 2.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3700     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299     |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Nghị định 86/2014/NĐ-CP Điều 9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933     |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy.<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.<br>Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>Khảo sát địa hình;<br>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình | 7110     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 9.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3600        |
| 10. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Lập dự án bảo vệ môi trường;<br>Đánh giá tác động môi trường;<br>Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước;<br>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào xử lý môi trường trong các công trình công nghiệp và dân dụng                                                                                                          | 7490        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4220(Chính) |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4290        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 15. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7210        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HẠ | 59 phố Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 165.000    | 1.650.000.000         | 35,000    | 03507200054                                                                                 |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 165.000    | 1.650.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                              |                   |         |               |        |              |  |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGÔ QUỐC KHÁNH   | TT phân viện báo chí, tổ 36, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 144.000 | 1.440.000.000 | 30,000 | 011668959    |  |
|   |                  |                                                                                              | Tổng số           | 144.000 | 1.440.000.000 | 30,000 |              |  |
| 3 | NGUYỄN ĐÌNH HÙNG | Số 5, Khu D, tập thể kho K612, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 165.000 | 1.650.000.000 | 35,000 | 033077000941 |  |
|   |                  |                                                                                              | Tổng số           | 165.000 | 1.650.000.000 | 35,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HẠ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/07/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 03507200054

Ngày cấp: 31/07/2014

Nơi cấp: cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 59 phố Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 59 phố Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội